

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Sau 13 năm thực hiện Luật Khoáng sản, Chính phủ đã ban hành 13 Nghị định quy định chi tiết thi hành và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Hệ thống văn bản pháp luật về địa chất, khoáng sản cơ bản đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản; đẩy mạnh điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; quản lý khoáng sản ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, qua quá trình Tổng kết thi hành Luật Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận thấy một số yêu cầu mới về pháp lý và thực tiễn cần thiết phải sửa đổi, bổ sung ngay các Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên...”.

Đặc biệt, ngày 10/02/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là cơ sở chính trị quan trọng và là định hướng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về địa chất, khoáng sản thời gian tới như: (1) quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất); các điều kiện địa chất khác; (2) thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải quản lý tập trung, thống nhất; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng

thông tin, dữ liệu địa chất; (3) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; (4) hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản làm VLXDTT phù hợp với thực tế, nhất là cấp phép cho công trình kết cấu hạ tầng, công trình trọng điểm quốc gia; (5) hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 về việc phê duyệt chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

Căn cứ các quy định tại: Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Nghị quyết số 101/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, trong đó giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản, trình Chính phủ tháng 6/2023.

2. Về cơ sở thực tiễn

2.1. Đối với Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản

- Khoáng sản đi kèm: việc giải thích từ ngữ “*khoáng sản đi kèm*” được xem là loại khoáng sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa thể hiện đầy đủ hết các đối tượng điều chỉnh.

- Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư: Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ, phát sinh những vấn đề bất cập trong các quy định hiện hành; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cần thiết phải sửa đổi, bổ sung:

+ Về hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân: bổ sung quy định về thời gian, trình tự, cách thức thực hiện việc hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc xác định chi phí hoàn trả, làm cơ sở để các bên thực hiện, cụ thể: Trường hợp sau 06 tháng tính từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản yêu cầu, các bên không tự thỏa thuận được chi phí đã đầu tư phải hoàn trả thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định chi phí đã đầu tư phải hoàn trả theo phương pháp xác định tương tự đối với khu vực do nhà nước đã đầu tư; Kết quả xác định chi phí đã đầu tư phải hoàn trả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện; Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định chi phí hoàn trả có trách nhiệm trả chi phí tổ chức xác định chi phí hoàn trả cho đơn vị xác định chi phí hoàn trả.

+ Chưa quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

- Quy định về trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác tại khoản 2 Điều 40 (đối với khu vực mỏ có trữ lượng lớn trong khi nhu cầu của xã hội chưa cao), dễ dẫn đến tình trạng chia cắt mỏ, khai thác manh mún, lãng phí tài nguyên. Có trường hợp doanh nghiệp phải nộp tiền cho trữ lượng lớn trong khi đó không được khai thác.

- Quy định về lắp đặt trạm cân tại khoản 2 Điều 42 là không phù hợp đối với khai thác cát sỏi lòng sông, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, đá khối ốp lát, các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường có quy mô công suất nhỏ.

- Quy định về bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản không phù hợp với loại hình khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

- Một số quy định trong Nghị định này không còn phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Bảo vệ môi trường.

- Một số quy định về thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản chưa phù hợp với cải cách thủ tục hành chính; các điều kiện đầu tư, kinh doanh; chưa có quy định, cơ chế đặc thù đối với các công trình, dự án trọng điểm quốc gia.

- Quy định về hồ sơ đăng ký khối lượng khoáng sản thu hồi từ dự án nạo vét hồ, khơi thông luồng lạch tại Điều 53 chưa được phân định dựa trên bản chất của từng hoạt động.

2.2. Đối với Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản

* Nghị định số 22/2012/NĐ-CP được ban hành trên cơ sở của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

Đến nay, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP nêu trên đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Đấu giá tài sản năm 2016 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Qua rà soát cho thấy một số quy định trong Nghị định số 22/2012/NĐ-CP không phù hợp với quy định của Luật Đấu giá tài sản như: về giá khởi điểm, về tiền đặt trước, về đối tượng tham gia đấu giá, bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản... cụ thể là:

- Về giá khởi điểm: Nghị định số 203/2013/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP. Việc chưa thống nhất cách xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản (giữa khu vực chưa thăm dò và khu vực đã có kết quả thăm dò) dẫn đến sự lúng túng trong quá trình triển khai.

- Về tiền đặt trước: đã được quy định tại Điều 5 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản. Tuy nhiên, do phần lớn các mỏ đưa ra để tổ chức đấu giá chỉ ở những khu vực “chưa thăm dò khoáng sản” (cấp tài nguyên 333), do đó kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản ở mức độ tin cậy rất thấp. Do đó, không đủ cơ sở để xác định giá khởi điểm (bằng tiền đồng Việt Nam) và tiền đặt trước (theo giá khởi điểm bằng tiền đồng Việt Nam) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

- Về xử lý về tiền đặt trước chuyển thành tiền đặt cọc:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản “*trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc*”, tuy nhiên đấu giá ở khu vực chưa có kết quả thăm dò có tính chất đặc thù là sau khi trúng đấu giá phải thực hiện lập, thi công, phê duyệt kết quả thăm dò khoáng sản; lập dự án đầu tư khai thác; thực hiện các thủ tục về môi trường và sau đó là trình hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản. Thời gian kể từ khi có phê duyệt kết quả trúng đấu giá đến khi được cấp phép khai thác khoáng sản là khá dài (tối đa 48 tháng, chưa tính thời gian gia hạn). Do đó việc giữ khoản tiền đã đặt trước khá lớn có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá. Đặc biệt, việc xử lý tiền đặt cọc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá ở khu vực chưa có kết quả thăm dò, sau khi thăm dò khoáng sản cho kết quả trữ lượng, chất lượng khoáng sản không bảo đảm tính khả thi để tiếp tục triển khai dự án; hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Về đối tượng tham gia đấu giá: Khoản 3 Điều 8 Nghị định này không phù hợp khoản 3 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản.

- Về thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP không còn phù hợp với Điều 60 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Ngoài ra, Luật Khoáng sản không quy định về nội dung này.

- Về hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá: Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền

khai thác khoáng sản được nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Quy định này chưa phù hợp với thực tế và gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân ở xa cơ quan tiếp nhận hồ sơ, mặt khác sẽ tiềm ẩn nguy cơ các phần tử xấu cản trở việc nộp hồ sơ của các tổ chức, cá nhân.

Mặt khác, sau 10 năm triển khai thi hành trong thực tế, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã gặp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến: chứng minh năng lực tài chính, chi phí cho công tác xác định trữ lượng, tài nguyên trong diện tích khu vực đấu giá; chưa có quy định cụ thể về thu hồi khoáng sản đi kèm, thời gian triển khai công tác đấu giá, xử lý tiền trúng đấu giá; phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá....

2.3. Đối với Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Sau khi Nghị định được ban hành, về cơ bản đã khắc phục một số tồn tại của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã đem lại hiệu quả rõ rệt, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát triển công nghiệp khai khoáng. Tuy nhiên, sau hơn 03 năm triển khai còn bộc lộ một số tồn tại bất cập như: chưa có quy định cụ thể về hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác đối với khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ; khai thác cát biển; chưa có quy định về cách xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với hoạt động thu hồi khoáng sản đi kèm, khoáng sản tại bãi thải của mỏ theo giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực, cát, sỏi từ các dự án nạo vét lòng hồ thủy điện, thủy lợi; chưa có quy định về thứ tự ưu tiên áp dụng giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhiều mức giá thuế tài nguyên cho một loại khoáng sản (ban hành cho từng mỏ, khoáng sản nguyên khai, tinh quặng); chưa có quy định cách xác định số tiền nộp từ lần thứ hai trong trường hợp đồng thời có sự thay đổi về giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; quy định về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phê duyệt lại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa rõ ràng, gây lúng túng khi áp dụng.

2.4. Đối với Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông

- Về quy định thời gian khai thác từ 7 giờ đến 17 giờ (khoản 1 Điều 9 Nghị định): Nước ta có đặc điểm địa lý trải dài qua nhiều vĩ độ, mỗi khu vực có điều kiện thời tiết, khí hậu khác nhau. Việc quy định cứng thời gian khai thác như Nghị định hiện nay gây khó khăn, bất cập cho các địa phương trong việc áp dụng, cần được xem xét, điều chỉnh.

- Về yêu cầu của bến, bãi tập kết cát, sỏi lòng sông (điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định): Nghị định hiện hành yêu cầu khu vực bến, bãi chứa cát, sỏi nằm trong phạm vi cảng đường thủy nội địa theo quy định của Luật Giao thông

đường thủy nội địa. Quy định này chưa bao quát trường hợp bên thủy nội địa theo quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Quy định UBND cấp tỉnh chủ trì tổ chức đấu giá đối với khối lượng sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thu hồi được từ các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa (điểm b khoản 1 Điều 31): quy định này không khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quá trình nạo vét luồng vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.

2.5. Đối với Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Chưa có quy định rõ tiêu chí về đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia tại khoản 3 Điều 8; không có quy định về biểu mẫu để thống nhất hình thức văn bản thực hiện quy định trên. Cần làm rõ hơn về nội dung này cả về hình thức và nội dung thể hiện.

Tại quy định về điều khoản chuyển tiếp (Điều 13) “Các dự án, cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đang hoạt động hợp pháp tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành...”, quy định về “đang hoạt động hợp pháp” đang được các địa phương hiểu khác nhau gây khó khăn trong thực hiện.

2.6. Đối với Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

- Việc quy định xử phạt đối với hành vi khai thác vượt công suất còn bất cập trong thực tiễn: Công suất khai thác quy định trong Giấy phép là công suất chung toàn đời mỏ. Tuy nhiên, trong thực tế vì nhu cầu, giá cả hàng năm thay đổi theo quy luật thị trường, việc khai thác vượt công suất làm tăng năng suất lao động, tăng thu cho ngân sách nhà nước trong khi toàn bị trữ lượng mỏ cấp cho doanh nghiệp đã được thực hiện nộp thuế, phí, tiền cấp quyền đầy đủ.

- Do cơ cấu tổ chức thay đổi, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trước đây được tổ chức lại thành Cục Địa chất Việt Nam và Cục Khoáng sản, trong đó chức năng quản lý nhà nước, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản được giao cho Cục Khoáng sản Việt Nam.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực tiễn thi hành pháp luật về địa chất, khoáng sản nêu trên cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, thi hành Luật Khoáng sản.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của các Nghị định quy định chi tiết, thi hành Luật Khoáng sản năm 2010.

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch; khắc phục các bất cập nhằm quản lý thống nhất lĩnh vực địa chất, khoáng sản; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả khoáng sản.

2. Quan điểm

- Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

- Phù hợp với thực tiễn, tập trung sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến những vấn đề cấp bách, cần sửa đổi, bổ sung ngay; khắc phục những tồn tại, hạn chế mà các cơ quan, người dân, doanh nghiệp đang mắc phải.

- Bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là các Luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, tổng kết thi hành Luật Khoáng sản năm 2010, lập đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi). Trong quá trình tổng kết, đánh giá nêu trên cũng như phản ánh kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong quy định tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản năm 2010. Theo đó, Bộ đã chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (trước đây) chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn rà soát, lập đề cương chi tiết Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản để báo cáo Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung trong năm 2023.

Ngày 06/01/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, trong đó giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị

định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản.

Ngày 13/10/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2685/QĐ-BTNMT thành lập Ban soạn thảo và Tổ Biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản và được kiện toàn tại Quyết định số 216/QĐ-BTNMT ngày 13/02/2023.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 20 tháng 02 năm 2023 để lấy ý kiến góp ý các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập. Sau khi hoàn thiện dự thảo Nghị định theo các ý kiến góp ý của Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 1145/BTNMT-KSVN ngày 28 tháng 02 năm 2023 gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân. Ngày 05 tháng 4 năm 2023 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 2314/BTNMT-KSVN gửi các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định.

Ngày.... tháng năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã Công văn số /BTNMT-KSVN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Dự thảo Nghị định gồm có 08 điều, bao gồm:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 8. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản trong dự thảo Nghị định

2.1. Đối với Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản

- Khoáng sản đi kèm: làm rõ khái niệm khoáng sản đi kèm nhằm thể hiện đầy đủ hết các đối tượng điều chỉnh; hoàn thiện quy định về việc thu hồi khoáng sản đi kèm.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 4 và tích hợp Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư, gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Về hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân: bổ sung quy định về thời gian, trình tự, cách thức thực hiện việc hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc xác định chi phí hoàn trả, làm cơ sở để các bên thực hiện, cụ thể: Trường hợp sau 6 tháng tính từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản yêu cầu, các bên không tự thỏa thuận được chi phí đã đầu tư phải hoàn trả thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định chi phí đã đầu tư phải hoàn trả theo phương pháp xác định tương tự đối với khu vực do nhà nước đã đầu tư; Kết quả xác định chi phí đã đầu tư phải hoàn trả của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện; Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định chi phí hoàn trả có trách nhiệm trả chi phí tổ chức xác định chi phí hoàn trả cho đơn vị xác định chi phí hoàn trả.

+ Tích hợp quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả tại Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg vào Điều 72.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác tại Điều 40.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc lắp đặt trạm cân khoản 2 Điều 42 để đảm bảo phù hợp với đặc điểm các loại khoáng sản khi khai thác.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản không phù hợp với loại hình khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

- rà soát, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện các quy định liên quan đến các thủ tục về cấp phép hoạt động khoáng sản: đảm bảo phù hợp với quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cắt giảm các điều kiện đầu tư, kinh doanh; đặc biệt Nghị định này đã bổ sung quy định (Điều 53b) về quản lý hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ cho các công trình, dự án quan trọng quốc gia theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính bảo đảm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án này.

- Tách quy định về Hồ sơ đăng ký khối lượng khoáng sản thu hồi từ dự án nạo vét hồ, khơi thông luồng lạch tại “Điều 53. Hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình; Hồ sơ đăng ký khối lượng khoáng sản thu hồi từ dự án nạo vét hồ, khơi thông luồng lạch” thành một điều riêng theo bản chất của từng hoạt động.

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định trong các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến khoáng sản.

2.2. Đối với Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Định nghĩa, làm rõ khái niệm về “*Quyền khai thác khoáng sản*” quy định tại khoản 1 Điều 2.

- Quy định về xác định giá khởi điểm: Về bản chất đấu giá quyền khai thác khoáng sản là đấu giá “mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R)”. Mặt khác, do phần lớn các mỏ đưa ra tổ chức đấu giá chỉ ở những khu vực chưa thăm dò khoáng sản (chưa thể xác định được trữ lượng). Do đó, đề xuất xác định giá khởi điểm bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhằm thống nhất cách áp dụng và triển khai đấu giá, cụ thể: “*Giá khởi điểm được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) theo quy định tại Nghị định quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.*”.

- Quy định về tiền đặt trước: qua triển khai và tổng kết công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2012/NĐ-CP cho đến nay, phần lớn các mỏ đưa ra để tổ chức đấu giá chỉ ở những khu vực “chưa thăm dò khoáng sản” (cấp tài nguyên 333), do đó kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản ở mức độ tin cậy rất thấp. Do đó, không đủ cơ sở để xác định giá khởi điểm (bằng tiền đồng Việt Nam) và tiền đặt trước (theo giá khởi điểm bằng tiền đồng Việt Nam) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản. Mặt khác, qua báo cáo của các địa phương gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, các mỏ đưa ra đấu giá ở địa phương có quy mô nhỏ, giá trị không cao (chủ yếu là khoáng sản làm VLXD thông thường). Vì vậy, tiền đặt trước thường dao động chỉ từ 28,8 triệu đồng (Bình Định) đến dưới 1 tỷ đồng (duy nhất có một mỏ lên đến 4,134 tỷ đồng ở Cao Bằng); đối với các mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu giá (08 mỏ) thì tiền đặt trước dao động trong khoảng

từ 580 triệu đồng (mỏ cát trắng Cây Táo 3) đến 7,7 tỷ đồng (mỏ apatit khai trường 19b). Do đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị quy định giá khởi điểm đối với khu vực đấu giá do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tối thiểu là 01 tỷ đồng, tối đa là 10 tỷ đồng; đối với khu vực đấu giá do địa phương tổ chức, giá khởi điểm tối thiểu là 500 triệu đồng, tối đa là 05 tỷ đồng. Quy định này phù hợp với thực tiễn cũng như đặc thù khi tổ chức đấu giá “quyền khai thác khoáng sản” và đúng với quy định của Luật Đấu giá tài sản.

- Quy định về xử lý tiền đặt cọc: Theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được **chuyển thành tiền đặt cọc** để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, đấu giá quyền khai thác khoáng sản có mức độ rủi ro cao, có thể phát sinh những tình huống dẫn đến việc tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không thể triển khai được dự án: kết quả thăm dò không có trữ lượng, hoặc việc khai thác không đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, hoặc Giấy phép thăm dò có thể bị thu hồi khi khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Do đó, đề xuất hoàn trả tiền đặt cọc sau khi tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

Mặt khác, nhằm bảo đảm tính răn đe, ngăn ngừa các hành vi cố tình không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề xuất tịch thu tiền đặt cọc trong các trường hợp: không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

- Về thời hạn nộp hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò, cấp Giấy phép khai thác sau khi trúng đấu giá: Sau khi trúng đấu giá, tổ chức, cá nhân phải lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác; các công việc như lập, phê duyệt dự án đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư; thẩm định thiết kế cơ sở; lập, thẩm định và phê duyệt ĐTM và CPM..., tốn nhiều thời gian, có trường hợp gặp khó khăn khi lấy ý kiến của đồng đồng dân cư. Do đó, tại dự thảo Nghị định lần này được sửa đổi theo hướng kéo dài thời gian nộp hồ sơ là 12 tháng (thăm dò) và 24 tháng (khai thác) nhằm bảo đảm tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có đủ thời gian lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

- Về bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, việc bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá liên tục từ ngày niêm yết cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá **02 ngày**. Tuy nhiên, đấu giá quyền khai thác khoáng sản có tính chất đặc thù, sau khi kết thúc tiếp nhận hồ sơ phải tổ chức xét chọn để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá, thông báo kết quả xét chọn hồ sơ, nộp tiền đặt trước. Do đó, đề xuất thời gian tiếp nhận hồ sơ liên tục cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá **15 ngày** làm việc, nhằm bảo đảm thời gian xét chọn hồ sơ, chuẩn bị cho cuộc đấu giá (Dự kiến: hoàn

thành phương án xét chọn là 05 ngày; thông báo kết quả xét chọn 07 ngày; thời gian nộp tiền đặt trước 03 ngày).

- Quy định về hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với một số trường hợp: không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản hợp lệ, đầy đủ theo quy định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định; các trường hợp quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản.

- Về cách xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được sửa đổi theo hướng tiền trúng đấu giá được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trong đó, mức thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được áp dụng ổn định trong suốt thời gian được cấp phép khai thác, trong diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Về phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá được sửa đổi theo hướng có phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP của Chính phủ; đảm bảo phù hợp, bình đẳng đối với tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá (Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá vẫn phải thực hiện các thủ tục để được cấp phép khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác; trong khi đó phải nộp tiền trúng đấu giá cao hơn so với tổ chức, cá nhân được cấp phép không qua đấu giá).

- Bổ sung quy định mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản khác ngoài khoáng sản đã trúng đấu giá phát hiện trong quá trình thăm dò và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2.3. Đối với Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nội dung cơ bản của các quy định sửa đổi, bổ sung:

- Làm rõ về hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác đối với cát, sỏi lòng sông, lòng hồ; khai thác cát biển. Theo đó, hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác lộ thiên được áp dụng bao gồm cả khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ; khai thác cát biển ($K_1 = 0,9$).

- Quy định về cách xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các giấy phép được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác khoáng sản không bắt buộc phải tiến hành thăm dò, quy định tại Điều 65 Luật khoáng sản hoặc trường hợp không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản hoặc thu hồi khoáng sản

đi kèm, khoáng sản tại bãi thải của mỏ theo giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực, cát, sỏi từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch, lòng hồ thủy điện, thủy lợi, trữ lượng tính tiền cấp quyền được xác định theo khối lượng khoáng sản đã thu hồi, sử dụng thực tế hàng năm.

- Quy định rõ về thứ tự ưu tiên lựa chọn giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành có nhiều loại giá cho một loại khoáng sản: giá riêng cho từng mỏ cụ thể; giá đối với khoáng sản nguyên khai; giá đối với sản phẩm là kim loại; giá đối với sản phẩm là tinh quặng.

- Bổ sung quy định cách xác định số tiền nộp từ lần thứ hai trong trường hợp có sự thay đổi **đồng thời** giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhằm thống nhất cách áp dụng trên toàn quốc, cụ thể:

$$T_n = T_{hm} \times (G_n : G) \times (R_n : R)$$

Trong đó:

T_n - Tiền nộp lần thứ n ; đồng Việt Nam.

G_n - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực tại thời điểm ngày 01/01 của năm thông báo nộp tiền lần thứ n ; đồng/đơn vị trữ lượng.

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi phê duyệt; đồng/đơn vị trữ lượng.

T_{hm} - Tiền nộp hàng năm quy định tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đồng Việt Nam.

R_n - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm thông báo nộp tiền lần thứ n ; %.

R là mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi phê duyệt; %.

- Quy định cụ thể về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong các trường hợp: giảm trữ lượng do trả lại Giấy phép khai thác, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 58 Luật khoáng sản; tăng thêm trữ lượng huy động đưa vào thiết kế khai thác; tăng trữ lượng do trữ lượng khai thác thực tế lớn hơn trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong ranh giới khu vực cấp phép khai thác. Đồng thời, hoàn trả tiền đối với trường hợp số tiền đã nộp lớn hơn số tiền sau khi phê duyệt điều chỉnh. Một số trường hợp sẽ không được hoàn trả tiền: nộp tiền một lần hoặc số tiền nộp lần đầu; giấy phép khai thác hết hạn nhưng chưa khai thác hết trữ lượng được cấp phép, phần trữ lượng còn lại không đủ điều kiện để gia hạn giấy phép; Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi do vi phạm các quy định trong hoạt

động khoáng sản.

2.4. Đối với Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông:

- Sửa đổi quy định thời gian khai thác từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều tại khoản 1 Điều 9 Nghị định.

- Bổ sung yêu cầu của bên, bãi tập kết cát, sỏi lòng sông (điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định): yêu cầu khu vực bên, bãi chứa cát, sỏi nằm trong khu vực cảng đường thủy nội địa, bến thủy nội địa theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

- Bãi bỏ quy định UBND cấp tỉnh chủ trì tổ chức đấu giá đối với khối lượng sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thu hồi được từ các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa (điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định)

2.5. Đối với Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

- Bổ sung vào dự thảo Nghị định mẫu báo cáo đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng, giá pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 làm rõ các đối tượng là “Các dự án, cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đang hoạt động hợp pháp” sơ với quy định trước đây.

2.6. Đối với Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản

- Sửa đổi quy định xử phạt đối với hành vi vượt công suất khai thác ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Thay thế cụm từ “Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Khoáng sản Việt Nam” tại Điều 63 và Điều 69 của Nghị định để Cục Khoáng sản Việt Nam có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

1. Về việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến khoáng sản đi kèm

Quy định về thẩm quyền quyết định cho phép thu hồi khoáng sản đi kèm: thực tế hiện nay có những mỏ có nhiều loại khoáng sản khác nhau, có loại thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường có loại thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong khi thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản được quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản và nguyên tắc cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp).

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất phương án cho phép khai thác khoáng sản đi kèm (thông qua điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới) như **Điều 20a** của Dự thảo.

2. Bổ sung quy định về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình, dự án quan trọng quốc gia

Tại khoản 2 Điều 53b dự thảo đang đề xuất “*Tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư hoặc nhà thầu trực tiếp thi công dự án được ưu tiên lựa chọn để khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, thủ tục về đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, Giấy phép khai thác khoáng sản*”. Quy định này phù hợp với khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, miễn giấy phép môi trường).

Ngoài ra, do yêu cầu cấp bách về tiến độ thực hiện của các công trình, dự án quan trọng quốc gia và thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất phương án rút gọn và giảm bớt thủ tục hành chính như **Điều 53b** của Dự thảo.

3. Các nội dung liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Về tiền đặt trước

Tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản quy định về tiền đặt trước như sau: “*1. Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước do tổ chức đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá thỏa thuận, nhưng tối thiểu là năm phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm của tài sản đấu giá.*”.

Tuy nhiên, do phần lớn các mỏ đưa ra để tổ chức đấu giá chỉ ở những khu vực “chưa thăm dò khoáng sản” (cấp tài nguyên 333), do đó kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản ở mức độ tin cậy rất thấp. Do đó, không đủ cơ sở để xác định giá khởi điểm (bằng tiền đồng Việt Nam) và tiền đặt trước (theo giá khởi điểm bằng tiền đồng Việt Nam) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Qua triển khai và tổng kết công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 cho đến nay, phần lớn các mỏ đưa ra để tổ chức đấu giá chỉ ở những khu vực chưa thăm dò khoáng sản (chưa thể xác định được trữ lượng để xác định được giá khởi điểm bằng tiền đồng Việt Nam). Do vậy, giá khởi điểm đối với đối tượng này theo quy định chỉ bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R). Theo báo cáo của các địa phương gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, các mỏ đưa ra đấu giá ở địa phương có quy mô nhỏ, giá trị không cao (chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường), tiền đặt trước thường dao

động chỉ từ 28,8 triệu đồng (Bình Định) đến dưới 1 tỷ đồng (duy nhất có một mỏ lên đến 4,134 tỷ đồng ở Cao Bằng); đối với các mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu giá (08 mỏ) thì tiền đặt trước dao động trong khoảng từ 580 triệu đồng (mỏ cát trắng Cây Táo 3) đến 7,7 tỷ đồng (mỏ apatit khai trường 19b).

Từ thực tế nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất xác định tiền đặt trước đối với khu vực đấu giá thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường tối thiểu là 01 tỷ đồng, tối đa là 10 tỷ đồng; đối với khu vực đấu giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tối thiểu là 500 triệu đồng, tối đa là 05 tỷ đồng là phù hợp với thực tiễn cũng như đặc thù khi tổ chức đấu giá “quyền khai thác khoáng sản”.

b) Về bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

Theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, việc bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá liên tục từ ngày niêm yết cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá **02 ngày**. Tuy nhiên, đấu giá quyền khai thác khoáng sản có tính chất đặc thù, sau khi kết thúc tiếp nhận hồ sơ phải tổ chức xét chọn để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá, thông báo kết quả xét chọn hồ sơ, nộp tiền đặt trước. Phần lớn các mỏ đấu giá tại các địa phương thu hút số lượng rất lớn các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tham gia đấu giá (mỏ cát Bình Trung, tỉnh Quảng Ngãi có khoảng 50 tổ chức, cá nhân tham gia).

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất thời gian tiếp nhận hồ sơ liên tục cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá **15 ngày** làm việc (Nghị định số 22/2012/NĐ-CP hiện nay quy định là 30 ngày), nhằm bảo đảm thời gian xét chọn hồ sơ, chuẩn bị cho cuộc đấu giá (Dự kiến: hoàn thành phương án xét chọn là 05 ngày; thông báo kết quả xét chọn 07 ngày; thời gian nộp tiền đặt trước 03 ngày).

Liên quan đến nội dung nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất trong quá trình xây dựng Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi) cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định riêng về trình tự, thủ tục đấu giá đối với các tài sản có tính chất đặc thù như quyền khai thác khoáng sản.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Nguồn nhân lực để bảo đảm cho việc thi hành Nghị định sau khi được thông qua là lực lượng cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản hiện có của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm do Bộ Tài chính cân đối, phân bổ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ yếu cho việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn triển khai nội dung Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tài nguyên và Môi trường xin gửi kèm theo Tờ trình:

- 1. Dự thảo Nghị định.*
- 2. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.*
- 3. Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định.*
- 4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định.*
- 5. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo./.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VP, PC, ĐCVN, KSVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên